

Bản tin Phân tích kỹ thuật

16/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GB000 đang vận động bên dưới kháng cự quan trọng tại 1.858 điểm. Do đó, xác suất hợp đồng điều chỉnh vẫn cao hơn khả năng tăng mạnh. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh ngưỡng 1.858 điểm, với mục tiêu 1.848 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.862 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.858 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.848 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.862 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực



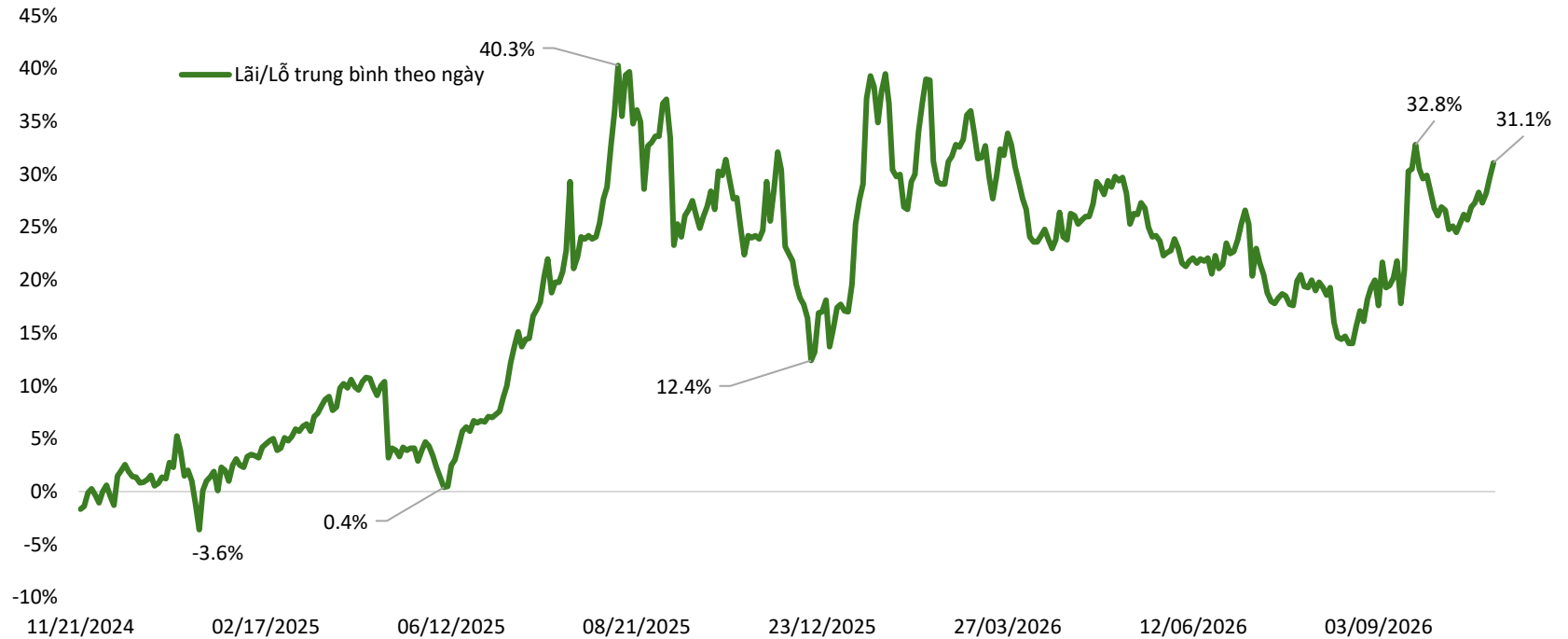
Nguồn: Vietcap

- VN-Index tiếp cận vùng kháng cự 1.715 điểm và thoái lui nhẹ trên nền thanh khoản thấp, cho thấy áp lực bán nhìn chung vẫn được tiết chế trên diện rộng. Ở chiều ngược lại, độ lan tỏa của lực mua thu hẹp so với phiên 15/10, phản ánh sự thận trọng khi chỉ số tiếp cận vùng giá cao hơn.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index thoái lui từ vùng kháng cự 1.715 điểm trong bối cảnh cả bên mua và bên bán đều duy trì trạng thái thận trọng. Do đó, một nhịp hồi phục ổn định chỉ được xác nhận khi chỉ số vượt trở lại vùng 1.715 điểm. Trong phiên 19/10, chưa thể loại trừ khả năng VN-Index tiếp tục rung lắc hoặc điều chỉnh về vùng giá thấp gần nhất 1.690–1.700 điểm.
- Đánh giá khả năng hình thành nhịp hồi phục ổn định, diễn biến hai phiên gần đây cho thấy cán cân cung cầu đang nghiêng nhẹ về bên mua nhưng cường độ và độ lan tỏa chưa đủ mạnh để tạo ra các phiên tăng rõ nét. Do đó, kịch bản hiện tại vẫn nghiêng về trạng thái hồi phục xen kẽ rung lắc; tín hiệu sẽ trở nên tích cực hơn nếu VN-Index vượt được vùng 1.715 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
VPB	08/10/2026		Đang mở	24,500	23,100	6.1%	22,500	26,400	23,800	
HDB	08/10/2026		Đang mở	22,800	21,540	5.8%	20,800	23,600	22,000	
MSB	08/10/2026		Đang mở	14,800	14,500	2.1%	14,000	15,900	14,500	
HPG	08/10/2026		Đang mở	20,900	20,200	3.5%	19,600	21,500	20,300	
NLG	13/10/2026		Đang mở	21,500	21,700	-0.9%	21,300	23,700	20,500	
CTD	13/10/2026		Đang mở	62,400	62,000	0.6%	60,000	68,000		
VCG	13/10/2026		Đang mở	15,150	13,900	9.0%	13,000	15,500	13,900	
NTP	13/10/2026		Đang mở	53,200	53,500	-0.6%	51,800	58,000		
SHB	15/10/2026		Đang mở	10,650	10,200	4.4%	9,800	11,300	10,200	
CSV	16/10/2026		Đang mở	23,000	22,850	0.7%	22,000	25,000		
LAS	15/10/2026		Đang mở	11,700	11,600	0.9%	11,000	13,500		
ANV	15/10/2026		Đang mở	18,250	18,450	-1.1%	17,500	21,400		
DXG	16/10/2026		Đang mở	10,150	10,000	1.5%	9,500	11,000		
CEO	16/10/2026		Đang mở	11,000	10,800	1.9%	10,000	12,500		
HCM	16/10/2026		Đang mở	23,750	23,750	0.0%	22,500	25,500		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	215,000	-1.38%	-4.66%	1,668,870	-4.981	2,752	9.8	78.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VHM	61,000	3.57%	-7.58%	501,104	3.875	9,730	1.9	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	30,600	2.68%	3.73%	237,669	1.384	5,172	1.2	5.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	33,950	2.26%	0.15%	264,071	1.294	4,250	1.4	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,900	0.71%	0.35%	475,438	0.730	4,984	1.9	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	38,000	2.15%	-6.63%	113,517	0.529	3,780	2.6	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	33,200	0.91%	2.63%	235,263	0.465	3,829	1.3	8.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HVN	21,000	2.94%	3.70%	65,341	0.417	1,555	6.9	13.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	73,900	1.51%	-2.64%	109,054	0.357	6,660	3.1	11.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MSN	71,400	1.42%	-3.77%	104,271	0.321	4,628	2.6	15.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	31,250	1.13%	-4.87%	125,000	0.307	1,751	2.1	17.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHB	10,650	2.40%	6.50%	56,910	0.297	2,522	0.8	4.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	20,900	0.72%	3.98%	176,458	0.277	2,750	1.3	7.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VNM	57,800	1.05%	0.17%	120,799	0.275	5,246	3.8	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SJS	57,100	6.33%	11.52%	16,986	0.233	2,049	4.4	27.9	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	99,900	-2.25%	12.12%	38,461	-0.111	395	7.6	252.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	114,800	1.59%	-6.67%	34,440	0.070	11,734	5.2	9.8	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PGS	84,000	9.66%	2.56%	4,200	0.052	2,718	4.2	30.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KSF	74,900	0.54%	-0.93%	67,394	0.046	16,970	3.2	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,200	4.83%	8.57%	5,320	0.033	1,407	1.1	10.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DTK	10,400	-1.89%	0.00%	7,101	-0.017	1,245	0.8	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,400	-0.63%	-7.37%	19,270	-0.016	3,432	1.3	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BAB	10,600	0.95%	4.95%	12,217	0.015	1,044	0.9	10.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	53,200	0.95%	-1.48%	10,919	0.013	5,810	2.5	9.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MBS	15,100	-0.66%	2.72%	15,114	-0.013	1,562	1.3	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CC1	37,300	14.77%	14.77%	16,573	0.447	546	3.7	60.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	41,400	0.98%	1.22%	149,283	0.266	3,104	2.0	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	64,900	-1.52%	-4.42%	70,995	-0.197	2,207	4.9	29.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PCB	9,200	10.84%	10.84%	8,059	0.160	1,710	0.6	5.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	60,600	-0.82%	-9.55%	73,081	-0.109	2,341	4.8	26.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	54,300	-3.72%	15.78%	12,668	-0.086	4,974	3.1	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TTD	69,700	-20.71%	-25.61%	2,216	-0.084	2,735	6.4	25.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VUA	14,300	-13.33%	27.68%	2,860	-0.070	616	1.4	23.2	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	50,900	2.00%	-1.74%	18,651	0.068	5,267	1.8	9.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SNZ	22,700	3.65%	-0.87%	8,546	0.057	2,458	1.1	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

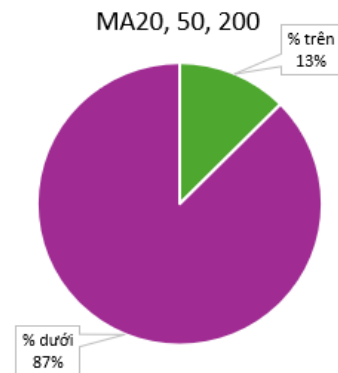
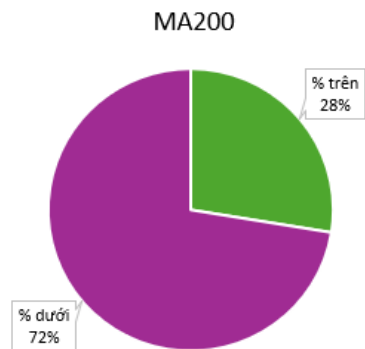
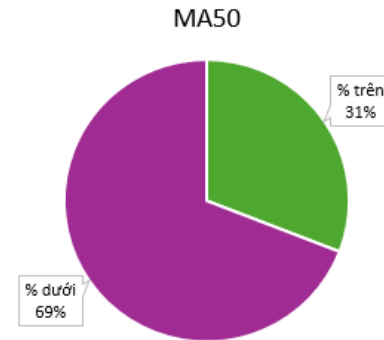
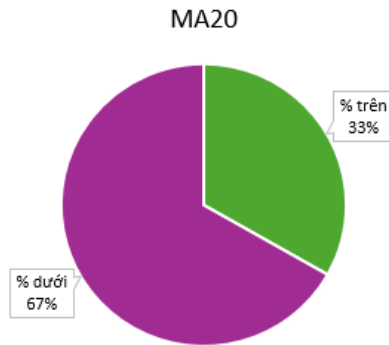
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSB	14,800	1.0%	174.2	130.9	9,000	14,750	1.2	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CLI	29,900	3.5%	17.4	3.3	22,452	28,900	0.0	0.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	22,700	3.7%	5.7	4.4	14,727	22,100	2.2	47.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCL	29,700	5.7%	8.4	3.0	15,438	29,000	2.4	10.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DSE	20,650	-2.8%	15.6	10.9	20,800	26,180	1.6	32.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	40,100	-0.1%	11.3	4.7	40,150	54,252	2.5	5.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	3,300	6.5%	9.3	1.1	2,000	8,100	-0.9	-1.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SJS	57,100	6.3%	9.0	1.1	47,100	70,800	4.4	27.9	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCL	29,700	5.7%	8.4	3.0	15,438	29,000	2.4	10.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PCB	9,200	10.8%	12.8	3.0	8,200	11,600	0.6	5.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
QCG	10,800	-1.8%	8.5	1.3	9,460	18,800	0.7	8.9	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			16/10/2026	15/10/2026	14/10/2026	13/10/2026	12/10/2026	09/10/2026	08/10/2026	07/10/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	22%	22%	22%	22%	23%	23%	23%
		Dưới	78%	78%	78%	78%	78%	77%	77%	77%
	MA50	Trên	30%	28%	29%	28%	31%	30%	30%	31%
		Dưới	70%	72%	71%	72%	69%	70%	70%	69%
	MA20	Trên	38%	32%	31%	31%	36%	31%	32%	30%
		Dưới	62%	68%	69%	69%	64%	69%	68%	70%
VN30	MA200	Trên	20%	20%	20%	20%	23%	30%	30%	30%
		Dưới	80%	80%	80%	80%	77%	70%	70%	70%
	MA50	Trên	23%	20%	30%	33%	33%	40%	43%	40%
		Dưới	77%	80%	70%	67%	67%	60%	57%	60%
	MA20	Trên	30%	20%	23%	20%	27%	30%	27%	27%
		Dưới	70%	80%	77%	80%	73%	70%	73%	73%
HNX	MA200	Trên	27%	26%	26%	25%	28%	27%	27%	27%
		Dưới	73%	74%	74%	75%	72%	73%	73%	73%
	MA50	Trên	35%	34%	33%	32%	36%	35%	35%	35%
		Dưới	65%	66%	67%	68%	64%	65%	65%	65%
	MA20	Trên	27%	26%	26%	25%	28%	27%	27%	27%
		Dưới	73%	74%	74%	75%	72%	73%	73%	73%
UPCOM	MA200	Trên	30%	28%	28%	27%	29%	29%	28%	28%
		Dưới	70%	72%	72%	73%	71%	71%	72%	72%
	MA50	Trên	30%	28%	29%	28%	29%	29%	29%	30%
		Dưới	70%	72%	71%	72%	71%	71%	71%	70%
	MA20	Trên	30%	30%	31%	31%	31%	31%	31%	30%
		Dưới	70%	70%	69%	69%	69%	69%	69%	70%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15	Tháng 10											Tháng 9								
	16 ↓	15	14	13	12	09	08	07	06	05	02	01	30	29	28	25	24	23	22	21
1 Bán lẻ	78	76	80	86	87	87	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72	71	62	57
2 Tài nguyên Cơ bản	66	61	62	57	60	54	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46	49	49	48
3 Hàng & Dịch vụ Côn...	64	65	66	67	68	69	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60	60	57	50
4 Hóa chất	54	55	59	58	62	60	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60	59	56	56
5 Hàng cá nhân & Gia ...	52	54	54	53	55	54	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36	37	34	34
6 Xây dựng và Vật liệu	48	48	43	41	43	38	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36	35	32	27
7 Điện, nước & xăng d...	47	45	48	49	50	49	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52	54	44	43
8 Thực phẩm và đồ uố...	47	46	46	46	51	52	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43	43	43	43
9 Ngân hàng	46	43	42	40	39	36	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52	55	50	51
10 Du lịch và Giải trí	32	29	31	33	37	35	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44	46	47	46
11 Dầu khí	30	32	44	45	54	60	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56	73	73	78
12 Bất động sản	28	26	24	25	25	25	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29	31	34	32
13 Dịch vụ tài chính	26	25	18	17	18	15	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29	30	29	28
14 Ô tô và phụ tùng	25	28	28	28	28	22	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32	36	31	37
15 Công nghệ Thông tin	13	13	11	10	10	11	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41	40	39	-

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	24,500	0.2%	2.9%	245,000	1.4	8.2	2,982	235.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	33,200	0.9%	2.6%	235,263	1.3	8.7	3,829	420.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,800	1.0%	1.4%	55,411	1.2	9.4	1,573	174.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	38,800	0.0%	3.2%	51,256	2.2	6.6	5,818	28.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	54,000	1.9%	-1.8%	35,064	2.6	13.5	3,992	94.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJS	57,100	6.3%	11.5%	16,986	4.4	27.9	2,049	9.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PCB	9,200	10.8%	10.8%	8,059	0.6	5.2	1,710	12.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CLI	29,900	3.5%	7.6%	3,267	0.0	0.0	0	17.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	22,700	3.7%	3.7%	2,396	2.2	47.2	481	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCL	29,700	5.7%	2.4%	1,138	2.4	10.6	2,762	8.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
C69	17,900	1.1%	0.6%	1,106	1.6	29.9	600	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	22,800	0.0%	1.8%	148,356	1.7	7.6	2,983	544.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	50,500	-1.0%	0.0%	7,815	3.1	24.7	2,047	10.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TLG	54,900	0.2%	1.7%	5,299	2.1	11.5	4,776	10.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	50,000	6.8%	2.5%	3,652	2.4	-1,618.7	-31	88.9	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TDP	29,800	-1.0%	0.3%	3,071	2.4	22.2	1,344	6.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAS	10,200	0.0%	1.0%	2,344	0.9	18.6	548	9.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NT2	23,300	0.0%	2.0%	6,708	1.3	5.4	4,359	41.9	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CSV	23,000	-2.5%	1.8%	2,541	1.5	9.5	2,415	20.0	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MZG	11,800	0.9%	-0.3%	1,866	1.0	9.5	1,241	21.3	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	62,800	0.0%	-6.7%	118,392	1.9	38.4	1,634	113.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	48,100	-2.6%	-13.3%	16,934	3.1	42.1	1,144	76.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	20,650	-2.8%	-5.1%	8,843	1.6	32.7	631	15.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	68,000	-0.1%	-1.4%	8,711	3.9	13.3	5,110	8.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	40,100	-0.1%	-6.5%	3,846	2.5	5.4	7,381	11.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	14,700	-1.0%	-2.6%	1,729	0.7	7.9	1,872	10.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPX	3,810	0.5%	-2.6%	1,159	0.3	9.4	405	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	61,000	3.6%	-7.6%	501,104	1.9	6.3	9,730	513.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	76,400	0.1%	-1.2%	233,171	6.2	18.9	4,047	7.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	76,100	-0.1%	-5.7%	183,625	2.7	14.4	5,269	62.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	31,250	1.1%	-4.9%	125,000	2.1	17.8	1,751	35.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VNM	57,800	1.0%	0.2%	120,799	3.8	11.0	5,246	93.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	38,000	2.2%	-6.6%	113,517	2.6	10.1	3,780	77.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	35,050	-1.4%	-6.2%	45,350	1.8	13.9	2,524	178.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
GEE	66,000	0.8%	-6.4%	42,273	5.3	11.9	5,569	49.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
POW	12,200	0.0%	-2.0%	37,428	0.9	6.0	2,049	59.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	44,950	-0.1%	0.0%	28,022	1.3	10.6	4,237	6.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,400	-0.6%	-7.4%	19,270	1.3	9.2	3,432	50.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVD	17,650	-0.3%	-3.0%	16,375	1.0	14.7	1,199	29.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPM	21,200	0.0%	-3.2%	14,414	1.3	8.1	2,608	23.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	18,800	3.30%	-3.59%	42,900	135.7%	4,780	0.7	3.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	14,150	3.66%	5.60%	28,800	111.0%	1,424	0.9	9.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,350	0.00%	2.48%	21,400	106.8%	2,909	0.8	3.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
STK	7,900	-1.13%	2.46%	16,000	100.3%	(354)	0.7	-22.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	15,000	1.35%	2.74%	28,700	93.9%	2,298	0.9	6.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	73,900	1.51%	-2.64%	140,000	92.3%	6,660	3.1	11.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GEX	22,500	0.45%	1.12%	40,500	80.8%	1,049	1.5	21.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	29,650	1.19%	-1.82%	52,000	77.5%	5,852	0.8	5.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DPG	27,650	0.00%	2.98%	48,900	76.9%	3,530	1.1	7.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DMX	75,000	0.40%	-1.70%	130,600	74.8%	5,089	5.3	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	54,300	-3.72%	15.78%	98,000	73.8%	4,974	3.1	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	21,500	0.47%	-1.83%	36,800	72.0%	1,407	0.8	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,800	0.73%	0.00%	23,100	68.6%	1,976	0.7	7.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	18,900	-0.53%	-0.53%	31,900	67.9%	1,850	1.1	10.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	30,600	2.68%	3.73%	48,800	63.8%	5,172	1.2	5.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	32,800	0.15%	-2.96%	52,100	59.1%	5,603	0.8	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	22,850	1.11%	-1.30%	35,600	57.5%	3,191	1.1	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	58,200	0.34%	0.52%	90,300	55.7%	5,324	2.8	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,400	-0.63%	-7.37%	49,000	55.1%	3,432	1.3	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VTP	46,700	0.43%	-0.64%	71,800	54.4%	2,199	4.1	21.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn